

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Quý;

2. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông H Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn H, sinh năm 1977, tại tỉnh An Giang; HKTT: Ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1948 và con bà Đặng Thị K, sinh năm 1950; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; có 02 người con, sinh năm 2008 và sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/12/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Quốc C, sinh năm 1981, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan H P, sinh năm 1959 và con bà Đào Thị H, sinh năm 1959. có vợ Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1979; có 02 người con, sinh năm 2004 và sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/12/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Duy Q, sinh năm 1982, tại tỉnh Bến Tre; HKTT: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1948 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; có vợ tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991; có 02 người con, sinh năm 2018 và sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/12/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trương Quang B, sinh năm 1980, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang H, (không biết năm sinh, năm chết) và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1936; có vợ tên Mai Thị Thanh H, sinh năm 1971; có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/12/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1976; HKTT: Ấp H, xã M, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991; HKTT: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 22/10/2019, Lê Văn H tổ chức đám giỗ tại nhà thuộc xã M, huyện P và có mời một số người đến dự, trong đó có Phan Quốc C, Nguyễn Duy Q, Trương Quang B. Tất cả ăn uống đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì nghỉ. Lúc này, H rủ C, B, Q chơi bài binh xập xám thắng thua bằng tiền, tất cả đồng ý. H mua 03 bộ bài tây và lấy ga giường tại nhà H trải làm chỗ ngồi chơi bài.

Hình thức chơi bài: Sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá, chia thành 04 tụ, mỗi tụ 13 lá, mỗi người lần lượt làm cái 01 ván xoay vòng, mỗi ván đặt cược số tiền 50.000 đồng. Khi chia bài xong, mỗi người chơi xếp 13 lá bài thành 03 chi, trong đó 02 chi 05 lá, 01 chi 03 lá. Nếu lật bài so sánh với người làm cái, người nào thắng thì được cái trả 50.000 đồng, thua thì trả cho cái 50.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả chơi bài được khoảng 20 ván thì bị Công an xã M, huyện P bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ trên chiếu bạc:

+ Tiền Việt Nam 5.200.000 đồng (trong đó: ở vị trí ngồi của C thu giữ 2.000.000 đồng; vị trí ngồi của Q thu giữ 2.000.000 đồng; vị trí ngồi của B thu giữ 500.000 đồng, vị trí ngồi của H thu giữ 700.000 đồng);

+ 01 (một) ga giường bằng vải, màu trắng, hoa văn màu tím, kích thước: 01 x 01 mét;

+ 03 (ba) bộ bài tây (trong đó 01 bộ đã sử dụng, 02 bộ vẫn còn trong hộp);

- Thu giữ của H số tiền: 248.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (phím bấm) màu đen, IMEI: 355752102874804;

- Thu giữ của C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: đỏ, biển số: 61N8 – 6657, số máy: 6550818, số khung: 550696; 01 điện thoại di động NOKIA (cảm ứng) màu đen, IMEI: 352914107791986;

- Thu giữ của Q số tiền: 185.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: vàng – đen, biển số: 71B2 – 101.12, số máy: 015792, số khung: 015776; 01 điện thoại di động hiệu VIVO (cảm ứng), màu trắng, IMEI: 861702037531216;

- Thu giữ của B số tiền: 930.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (phím bấm), màu đen, IMEI: 355773/06/230020/0.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

- Lê Văn H mang theo số tiền 1.248.000 đồng, H sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, thua số tiền 300.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an xã M thu giữ 700.000 đồng của H để trên chiếu bạc và thu giữ 248.000 đồng trên người của H;

- Phan Quốc C mang theo số tiền 2.000.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, không thắng không thua. Khi bắt quả tang, Công an xã M thu giữ 2000.000 đồng của C để trên chiếu bạc;

- Nguyễn Duy Q mang theo số tiền 2.385.000 đồng, Q sử dụng 2.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, thua số tiền 200.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an xã M thu giữ 2000.000 đồng của Q để trên chiếu bạc và thu giữ 185.000 đồng trên người của Q;

- Đối với Trương Quang B mang theo số tiền 930.000 đồng, B sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, thắng được số tiền 500.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an xã M thu giữ 500.000 đồng của B để trên chiếu bạc và thu giữ 930.000 đồng trên người của B;

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (phím bấm), màu đen, IMEI: 355752102874804 là tài sản hợp pháp của H, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (cảm ứng) màu đen, IMEI: 352914107791986 là tài sản hợp pháp của C, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO (cảm ứng), màu trắng, IMEI: 861702037531216 là tài sản hợp pháp của Q, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (phím bấm) màu đen, IMEI: 355773/06/230020/0 là tài sản hợp pháp của B, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: đỏ, biển số: 61N8 – 6657, số máy: 6550818, số khung: 550696 là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1976; HKTT: Ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/10/2019, bà H (chị vợ của C) cho C mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: vàng – đen, biển số: 71B2 – 101.12, số máy: 015792, số khung: 015776 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991; HKTT: Xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Ngày 22/10/2019, chị L cho Q mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Như vậy, H, C, Q và B đã sử dụng tổng số tiền 6.130.000 đồng vào mục đích đánh bạc.

Tại Bản Cáo trạng số 12/CTr-VKSĐT-HS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo H, C, Q và B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố các bị cáo H, C, Q và B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Phan Quốc C từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Trương Quang B từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, gồm: 01 ga giường bằng vải, màu trắng, hoa văn màu tím, kích thước: 01 x 01 mét và 03 bộ bài tây (trong đó 01 bộ đã sử dụng, 02 bộ vẫn còn trong hộp).

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội số tiền 5.200.000 đồng, thu được trên chiếu bạc.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện bị cáo B sử dụng vào việc phạm tội số tiền 930.000 đồng, thu giữ trên người của bị cáo B.

+ Hoàn trả cho bị cáo H số tiền 248.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (phím bấm), màu đen, IMEI: 355752102874804.

+ Hoàn trả cho bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (cảm ứng) màu đen, IMEI: 352914107791986.

+ Hoàn trả cho bị cáo Q số tiền 185.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO (cảm ứng), màu trắng, IMEI: 861702037531216.

+ Hoàn trả cho bị cáo B 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (phím bấm) màu đen, IMEI: 355773/06/230020/0.

+ Giao trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Thị Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: đỏ, biển số: 61N8 – 6657, số máy: 6550818, số khung: 550696.

+ Giao trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Trúc L 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: vàng – đen, biển số: 71B2 – 101.12, số máy: 015792, số khung: 015776.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, C, Q và B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung để các bị cáo có điều kiện nộp phạt và cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo H, C, Q và B không có ý kiến tranh luận gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H và bà L yêu cầu được nhận lại tài sản đứng tên chủ sở hữu hợp pháp và không có yêu cầu, tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không bị ai khiếu nại gì về việc tiến

hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo H, C, Q và B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 14 giờ đến 16 giờ 30 phút, ngày 22/10/2019, các bị cáo H, C, Q và B đã tham gia đánh bạc với hình thức chơi bài binh xập xám thắng thua bằng tiền tại nhà bị cáo H thuộc ấp H, xã M, huyện P thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo H, C, Q và B đã sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.130.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo H, C, Q và B tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 12/CTr-VKSDT-HS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, truy tố đối với các bị cáo H, C, Q và B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo H, C, Q và B tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi đề tệ nạn xã hội xảy ra tại địa phương mình quản lý.

[4] Xét chủ thể, động cơ và mục đích phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo H, C, Q và B là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Thực hiện tội phạm với mục đích sát phạt nhau bằng tiền, nhằm thỏa mãn thói hư tật xấu tham gia đánh bạc của mình.

[5] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[5.1] Đối với bị cáo H: Bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê và cũng là người chuẩn bị công cụ thực hiện hành vi phạm tội như ga giường, bài tây để các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo H sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.000.000 đồng. Với vai trò là người khởi xướng, người chuẩn bị công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên mức độ phạm tội của bị cáo H là nghiêm trọng hơn các bị cáo khác.

[5.1] Đối với các bị cáo C, Q, B: Các bị cáo C, Q và B khi được bị cáo H rủ tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền chẳng những không ngăn cản mà lại đồng ý cùng thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo C dùng vào mục đích đánh bạc là 2.000.000 đồng; số tiền bị cáo Q dùng vào mục đích đánh bạc là 2.200.000 đồng; số tiền bị cáo B dùng vào mục đích đánh bạc là 930.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Q là người không có trình độ học vấn còn bị cáo C và B có trình độ học vấn nên khả năng nhận thức pháp luật tốt hơn bị cáo Q nên cả ba bị cáo phải chịu mức hình phạt là ngang nhau.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo H, C, Q và B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hai bị cáo H và Q không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế còn xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật, đảm B công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nên cần phải xử lý nghiêm bằng hình phạt đối với các bị cáo, từ đó có điều kiện giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt sau này và cũng nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Các bị cáo H, C, Q và B đã được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và khi áp dụng hình phạt chính, Hội đồng xét xử đã căn nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như mức độ hành vi phạm tội mà các cáo đã thực hiện nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[9] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phân tội danh, điều khoản truy tố và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H, C, Q và S là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nghiêm khắc, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử có xem xét cho phù hợp; đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[10] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H và bà L về việc yêu cầu được nhận lại tài sản đứng tên chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[11.1] Đối với 01 ga giường bằng vải, màu trắng, hoa văn màu tím, kích thước: 01 x 01 mét và 03 bộ bài tây (trong đó 01 bộ đã sử dụng, 02 bộ vẫn còn trong hộp) là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[11.2] Quá trình điều tra xác định, các bị cáo đã dùng tổng số tiền 6.130.000 đồng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước (trong đó có 5.200.000 đồng thu được trên chiếu bạc và 930.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo B).

[11.3] Quá trình điều tra xác định, bị cáo H không sử dụng số tiền 248.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (phím bấm), màu đen, IMEI: 355752102874804 vào việc đánh bạc; bị cáo C không sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (cảm ứng) màu đen, IMEI: 352914107791986 vào việc đánh bạc; bị cáo Q không sử dụng số tiền 185.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO (cảm ứng), màu trắng, IMEI: 861702037531216 vào việc đánh

bạc và bị cáo B không sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (phím bấm) màu đen, IMEI: 355773/06/230020/0 vào việc đánh bạc nên hoàn trả lại những tài sản này cho các bị cáo.

[11.4] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: đỏ, biển số: 61N8 – 6657, số máy: 6550818, số khung: 550696 là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1976; HKTT: xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/10/2019, bà H (chị vợ của C) cho C mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên giao trả lại cho bà H là chủ sở hữu hợp pháp.

[11.5] Đối với xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: vàng – đen, biển số: 71B2 – 101.12, số máy: 015792, số khung: 015776 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991; HKTT: xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Ngày 22/10/2019, bà L cho Q mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên giao trả lại cho bà L là chủ sở hữu hợp pháp.

[12] Các bị cáo H, C, Q và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Phan Quốc C, Nguyễn Duy Q và Trương Quang B phạm tội “Đánh bạc”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Duy Q số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Phan Quốc C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Bị cáo Trương Quang B số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo H, C, Q và B không thi hành án đối với số tiền phạt nêu trên, thì hàng tháng các bị cáo H, C, Q và B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

II. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự, tuyên xử:

1. Tịch thu tiêu hủy công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, gồm: 01 ga giường bằng vải, màu trắng, hoa văn màu tím, kích thước: 01 x 01 mét và 03 bộ bài tây (trong đó 01 bộ đã sử dụng, 02 bộ vẫn còn trong hộp).

2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là 6.130.000 đồng (sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Hoàn trả cho bị cáo H số tiền 248.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (phím bấm), màu đen, IMEI: 355752102874804.

4. Hoàn trả cho bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (cảm ứng) màu đen, IMEI: 352914107791986.

5. Hoàn trả cho bị cáo Q số tiền 185.000 đồng (một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO (cảm ứng), màu trắng, IMEI: 861702037531216.

6. Hoàn trả cho bị cáo B 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (phím bấm) màu đen, IMEI: 355773/06/230020/0.

7. Giao trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: đỏ, biển số: 61N8 – 6657, số máy: 6550818, số khung: 550696.

8. Giao trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Trúc L 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: vàng – đen, biển số: 71B2 – 101.12, số máy: 015792, số khung: 015776.

(Tài sản trên được thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/3/2020 giữa Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P và Biên lai thu tiền số: AA/2014/0002475 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

III. Án phí:

Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

* Ấn phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Phan Quốc C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Duy Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Trương Quang B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/4/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND xã M và T, H. Dầu Tiếng;
- UBND xã V, H. G, T. Kiên Giang;
- UBND xã T, H. B, T. Bến Tre;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Quý Trần Ngọc Tường Vi

Phạm Minh Đồng